TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **260**/2021/DS-ST
Ngày: 16/12/2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thanh Phong
2. Ông Lê Anh Chiến

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà L, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

Bà L có mặt, anh K vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà có bán thức ăn gia cầm cho anh K từ trước năm 2013. Sau mỗi lần lấy thức ăn thì anh K còn nợ lại tiền thức ăn. Đến ngày 25/12/2013 thì anh K và bà đối chiếu nợ anh K còn nợ bà số tiền là 184.788.000 đồng. Từ này 25/12/2013 đến nay bà nhiều lần yêu cầu anh K trả tiền nhưng anh K không thực hiện và tránh né.

Nay bà yêu cầu anh K trả số tiền nợ là 184.788.000 đồng.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập anh K đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do cũng

không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà L yêu cầu anh K trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Bà L khởi kiện yêu cầu anh K trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 184.788.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Bà L là *Sổ mua bán* do bà L cung cấp có chữ ký của anh K. Có đủ cơ sở xác định giữa bà L và anh K đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K tuy nhiên anh K không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh K còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 184.788.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *"Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản"*. Xét thấy anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc anh K trả cho Bà L số tiền vốn là 184.788.000 đồng.

[5] Trong hợp đồng, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc được tính kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc anh K trả cho bà L số tiền 184.788.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

2. Về án phí:

Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.240.000 đồng.

Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí do là người cao tuổi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc